

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 41



# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP

Số 125D Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

### CÔNG TY

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập theo Quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn Sông Đà về Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/9/2016 về việc điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án cổ phần hóa.

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/11/2019 về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/11/2019 là 238.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán TCK.

Địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 125D Phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Nam Hải	Chủ tịch
Ông Đào Đức Thọ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên
Ông Vũ Xuân Thắng	Thành viên
Ông Lê Thế Thủy	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng ban
Bà Đinh Thị Hương	Thành viên
Bà Vũ Thị Thủy	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đào Đức Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thế Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hường Dương	Phó Tổng Giám đốc







Số: 303/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:**            **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP được lập ngày 26/8/2024, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Tại thời điểm 30/6/2024, Tổng Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán với giá gốc 10,3 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2023 là 9,1 tỷ đồng). Với những tài liệu Tổng Công ty cung cấp, chúng tôi không thể ước tính được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập (nếu có). Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Tại ngày 30/6/2024, các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 270.308.919.300 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 20.436.595.733 VND. Tổng Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2024 là 298.904.621.123 VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 49.458.252.914 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ các chủ đầu tư, khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Hơn nữa, Tổng Công ty đã lập và Bộ Xây dựng đã có Văn bản số 2536/BXD-KHTC ngày 16/6/2023 chấp thuận đề người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty biểu quyết thông qua “Đề án Cơ cấu lại và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025”, trong đó Tổng Công ty sẽ cơ cấu về ngành kinh doanh, cơ cấu sở hữu, cơ cấu tài chính, cơ cấu lại tổ chức và nguồn nhân lực, cơ cấu quản trị của Tổng Công ty. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần ngày 08/11/2016. Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, công tác bàn giao phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần chưa được hoàn thành. Do vậy, số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề trên.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>175.893.945.706</b>	<b>149.729.183.993</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.831.377.360</b>	<b>1.293.114.129</b>
1. Tiền	111		1.831.377.360	1.293.114.129
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>119.208.533.946</b>	<b>122.645.480.120</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	116.425.474.748	119.012.270.938
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	12.062.133.192	14.604.071.814
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	170.351.928.620	169.131.803.192
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(179.710.764.275)	(180.182.427.485)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		79.761.661	79.761.661
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>46.135.610.463</b>	<b>17.897.911.974</b>
1. Hàng tồn kho	141		46.135.610.463	17.897.911.974
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.718.423.937</b>	<b>7.892.677.770</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	70.447.064	40.740.741
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.642.094.204	7.846.054.360
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	5.882.669	5.882.669
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>256.188.223.933</b>	<b>258.251.827.934</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>81.411.878.779</b>	<b>82.708.346.692</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	81.411.878.779	82.708.346.692
- Nguyên giá	222		170.925.635.307	170.925.635.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.513.756.528)	(88.217.288.615)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		158.450.000	158.450.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.450.000)	(158.450.000)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.9</b>	<b>31.392.591.899</b>	<b>31.318.185.618</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		2.598.766.083	2.792.661.003
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		28.793.825.816	28.525.524.615
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>142.422.239.216</b>	<b>143.170.681.719</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251		119.549.258.805	119.549.258.805
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		12.880.647.106	12.880.647.106
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.154.416.179	20.902.858.682
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.162.082.874)	(10.162.082.874)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>961.514.039</b>	<b>1.054.613.905</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	961.514.039	1.054.613.905
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>432.082.169.639</b>	<b>407.981.011.927</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>478.663.815.231</b>	<b>458.130.318.154</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>446.202.865.006</b>	<b>441.605.001.515</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	91.207.103.351	94.653.222.710
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	8.493.370.903	6.010.888.590
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	64.610.316.165	65.919.961.715
4. Phải trả người lao động	314		1.660.599.025	1.951.909.912
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	39.052.432.356	38.583.597.356
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.740.792.565	1.547.698.929
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	196.044.459.770	194.410.311.432
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	41.393.790.871	38.527.410.871
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>32.460.950.225</b>	<b>16.525.316.639</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	12.209.564.408	12.025.316.639
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	20.251.385.817	4.500.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(46.581.645.592)</b>	<b>(50.149.306.227)</b>
<b>(400 = 410+430)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>(49.458.252.914)</b>	<b>(53.025.913.549)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		238.500.000.000	238.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		238.500.000.000	238.500.000.000
9. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419		10.946.368.209	10.946.368.209
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(298.904.621.123)	(302.472.281.758)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(302.472.281.758)	(304.172.979.871)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.567.660.635	1.700.698.113
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>2.876.607.322</b>	<b>2.876.607.322</b>
1. Nguồn kinh phí	431		2.876.607.322	2.876.607.322
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>432.082.169.639</b>	<b>407.981.011.927</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Kiều Thị Nguyệt Nga

Nguyễn Ngọc Hải

Đào Đức Thọ



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	27.033.958.789	73.660.486.921
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>		<b>27.033.958.789</b>	<b>73.660.486.921</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	17.915.259.477	64.515.519.409
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>9.118.699.312</b>	<b>9.144.967.512</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.908.901.662	103.773.939
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.655.419.585	2.687.590.313
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.653.742.396	2.536.813.101
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	5.358.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.167.309.963	5.904.570.126
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>4.204.871.426</b>	<b>651.223.012</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	59.210.182	1.231.274
12. Chi phí khác	32	6.6	696.420.973	371.727.014
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(637.210.791)</b>	<b>(370.495.740)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>3.567.660.635</b>	<b>280.727.272</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>3.567.660.635</b>	<b>280.727.272</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






**Kiều Thị Nguyệt Nga**

**Nguyễn Ngọc Hải**

**Đào Đức Thọ**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.567.660.635	280.727.272
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.296.467.913	1.461.636.868
- Các khoản dự phòng	03		(471.663.210)	(1.088.118.590)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	150.777.212
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.908.848.823)	(103.773.939)
- Chi phí lãi vay	06		1.653.742.396	2.536.813.101
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.137.358.911	3.238.061.924
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.159.339.834	(6.752.453.310)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.975.869.215)	4.062.879.774
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		110.033.508	1.898.708.141
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		63.393.543	361.374.199
- Tiền lãi vay đã trả	14		(930.852.314)	(2.917.780.214)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(20.436.595.733)</b>	<b>(109.209.486)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	1.	21	(253.427.885)	(804.818.637)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.608.903.664	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.617.368	3.867.654
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>2.357.093.147</b>	<b>(800.950.983)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ cho vay	33		29.158.385.817	15.408.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.540.620.000)	(14.439.159.342)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>18.617.765.817</b>	<b>968.840.658</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	50		<b>538.263.231</b>	<b>58.680.189</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	5.1	<b>1.293.114.129</b>	<b>3.223.762.688</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(150.777.212)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50+60+61)	70	5.1	<b>1.831.377.360</b>	<b>3.131.665.665</b>

Người lập biểu



Kiều Thị Nguyệt Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Hải

Tổng Giám đốc



  
Đào Đức Thọ

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn Sông Đà về Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/9/2016 về việc điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án cổ phần hóa.

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/11/2019 về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/11/2019 là 238.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán TCK.

Địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 125D Phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 là 57 người (tại ngày 31/12/2023 là 74 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân kỹ thuật các chuyên ngành cơ khí, xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng làm việc;
- Thẩm tra thiết kế, tư vấn đấu thầu và thiết kế, thi công xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị, quản lý dự án;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đương bộ, lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát lắp đặt hệ thống điện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế hệ thống điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án phát triển cơ khí, vật liệu xây dựng, điện, hạ tầng viễn thông, dầu khí, các dự án công nghiệp, dân dụng, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, bao gồm: Lập và thẩm tra dự án đầu tư;
- Thi công xây lắp công trình công nghiệp dân dụng giao thông (đường bộ, đường sắt, bến cảng), thủy lợi (công trình trạm bơm, kênh mương, đê kè, hồ đập), cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; thi công các hệ thống điện công nghiệp, điện điều khiển và điện dân dụng, công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Thi công lắp đặt các dây chuyền thiết bị đồng bộ;
- Dịch vụ vận tải, xếp dỡ;
- Sản xuất vật liệu cho ngành điện, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất dây truyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
- Sản xuất, phân phối điện;
- Kinh doanh dây chuyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
- Giáo dục mầm non;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp./.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Xây lắp hạ tầng và cho thuê văn phòng.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các Công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Bắc Giang	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	51,38%	51,38%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	Thái Bình	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	53,61%	53,61%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	Thanh Hoá	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	51,39%	51,39%
Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Hà Nội	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại (Khóa cửa, tiêu ngũ kim, kết cấu thép và các phụ kiện cơ khí khác)	67,47%	67,47%
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	51,54%	51,54%
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)	Hà Nội	Xây dựng nhà ở	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	Bà Rịa - Vũng Tàu	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	100,00%	100,00%
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>				
Công ty TNHH Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Hà Nội	Sản xuất đồng hồ	31,00%	31,00%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại	20,00%	20,00%

*Các đơn vị phụ thuộc tính đến ngày 30/6/2024 gồm:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
COMA 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (*)	Tổ dân phố 4, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
COMA 15 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tầng 09 tòa nhà COMA, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Trung tâm Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (**)	Tầng 13 tòa nhà COMA, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Nhà máy cơ khí Quang Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Lô 4 Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội

(\*) Nghị quyết số 46/NQ-HĐQT ngày 22/8/2022 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP đã thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động COMA1 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí xây dựng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, COMA1 đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

(\*\*) Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 08/4/2024 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP đã thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động Trung tâm Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí xây dựng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Trung tâm Xuất nhập khẩu đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ.

**Quyết toán cổ phần hóa**

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 08/11/2016. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2024 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa do Tổng Công ty chưa nhận được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ các cơ quan có thẩm quyền.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (Tiếp theo)****Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025**

Theo Văn bản số 2536/BXD-KHTC ngày 16/6/2023 của Bộ Xây dựng đã chấp thuận đề Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty biểu quyết thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP giai đoạn 2021- 2025, theo đó:

- Thực hiện thoái vốn toàn bộ vốn nhà nước tại Tổng Công ty trong giai đoạn 2024-2025.

- Tiếp tục duy trì sở hữu vốn của Tổng Công ty tại các Công ty: Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn - Decoimex (100%); Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh Vật tư thiết bị - COMA27 (100%); Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai (67,47%); Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình - COMA16 (53,61%); Công ty Cổ phần Cơ khí xây lắp và lắp máy điện nước - COMAEL (51,54%); Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc - COMA2 (51,38%); Công ty liên doanh đồng hồ nước ZENNER - COMA (31%).

- Thoái toàn bộ vốn của Tổng Công ty tại 09 Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính: Công ty Cổ phần Cơ khí và xây lắp Sông Chu - COMA17 (51,39%); Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 5 - COMA5 (3,19%); Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Đại Mỗ - COMA6 (6%); Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9 - COMA9 (20%); Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 10 - COMA10 (5%); Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và phát triển cơ khí - COMAENG (5,62%); Công ty Cổ phần Xây lắp và thương mại COMA25 (4,69%); Công ty Cổ phần thủy điện Hương Sơn (0,42%).

- Đến thời điểm ngày 26/8/2024, Tổng Công ty đã chuyển nhượng hết cổ phần tại Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 5 - COMA5 và Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Đại Mỗ - COMA6.

**Giả định về khả năng hoạt động liên tục**

Tại ngày 30/6/2024, các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 270.308.919.300 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 20.436.595.733 VND. Tổng Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2024 là 298.904.621.123 VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 49.458.252.914 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ các chủ đầu tư, khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tổng Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.
- Tổng Công ty đã thanh toán được các khoản nợ vay ngân hàng, các hoạt động dịch vụ cho thuê nhà và dịch vụ hiệu quả cao bù đắp được cho hoạt động thường xuyên của Tổng Công ty...làm tiền đề Tổng Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh ổn định trong thời gian tới.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày 30/6/2024.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày 30/6/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác**

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

**Các khoản đầu tư khác:** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với doanh nghiệp hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa).

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 19
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm kế toán được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cung cấp dịch vụ...

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

***Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán***

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh cung cấp dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính***

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	34.414.461	98.632.377
Tiền gửi ngân hàng	1.796.962.899	1.194.481.752
<b>Tổng</b>	<b>1.831.377.360</b>	<b>1.293.114.129</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>116.425.474.748</b>	<b>119.012.270.938</b>
Tổng thầu (EPC) liên danh nhà thầu SINOMA - BAT (*)	34.472.561.394	34.472.561.394
Phải thu các đối tượng khác	81.952.913.354	84.539.709.544
<b>Tổng</b>	<b>116.425.474.748</b>	<b>119.012.270.938</b>

*Trong đó:**Phải thu khách hàng là các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)***2.446.673.093****2.446.673.093**

(\*): Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi khoản công nợ này với giá trị trích lập là 34.472.561.394 VND.

**5.3 Trả trước cho người bán**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.062.133.192</b>	<b>14.604.071.814</b>
Công ty CK và XL số 7 - COMA 7	300.182.298	300.182.298
Công ty CP CKXD số 26 - COMA26	2.279.829.572	1.105.981.028
Cty CKXL điện & PT hạ tầng (COMA 18)	3.482.461.246	3.482.461.246
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	-	5.248.768.441
Các khoản trả trước cho người bán khác	5.999.660.076	4.466.678.801
<b>Tổng</b>	<b>12.062.133.192</b>	<b>14.604.071.814</b>

*Trong đó:**Trả trước cho người bán là các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)***10.000.000****5.258.768.441**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.4 Phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>170.351.928.620</b>	<b>(107.601.052.455)</b>	<b>169.131.803.192</b>	<b>(107.975.019.706)</b>
- Phải thu khác	162.081.414.717	(102.820.139.839)	161.473.201.370	(103.055.270.672)
+ Công ty Cơ khí và Xây lắp số 7 (COMA7)	40.793.667.708	(40.793.667.708)	40.793.667.708	(40.793.667.708)
+ Công ty CP Xây dựng và lắp máy điện nước số 3 (COMA3)	41.882.768.212	(28.783.659.370)	41.882.768.212	(28.783.659.370)
+ Công ty CP Cơ khí lắp máy điện & PT hạ tầng (COMA 18)	22.545.227.969	(22.545.227.969)	22.645.227.969	(22.645.227.969)
+ Công ty CP Khoá Minh Khai	17.789.518.839	-	17.625.357.490	-
+ Công ty CP cơ khí xây dựng và lắp máy điện nước (COMAEL)	15.221.034.895	-	15.221.034.895	-
+ Sở Tài chính Hà Nội (Nộp tiền đặc cộc sử dụng khu đô thị Cầu Giấy)	7.636.000.000	-	7.636.000.000	-
+ Công ty CP Xây lắp và Thương mại (COMA 25)	2.351.270.689	-	2.451.270.689	-
+ Phải thu đối tượng khác	13.861.926.405	(10.697.584.792)	13.217.874.407	(10.832.715.625)
Tạm ứng	6.983.724.233	(4.780.912.616)	6.455.003.050	(4.919.749.034)
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.286.789.670	-	1.203.598.772	-
<b>Tổng</b>	<b>170.351.928.620</b>	<b>(107.601.052.455)</b>	<b>169.131.803.192</b>	<b>(107.975.019.706)</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>Phải thu bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	<b>34.683.064.961</b>	<b>(892.897.788)</b>	<b>34.295.017.785</b>	<b>(892.897.788)</b>



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP**Số 125D Minh Khai, phường Minh Khai,  
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.5 Nợ xấu**

	30/6/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá có thể thu hồi	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá có thể thu hồi
Tổng thầu (EPC) liên danh nhà thầu SINOMA - BAT	34.472.561.394	34.472.561.394	-	34.472.561.394	34.472.561.394	-
Công ty XD và LMĐN số 3 (COMA3)	41.882.768.212	28.783.659.370	13.099.108.842	41.882.768.212	28.783.659.370	13.099.108.842
Công ty Cơ khí và Xây lắp số 7 (COMA7)	40.793.667.708	40.793.667.708	-	40.793.667.708	40.793.667.708	-
Các đối tượng khác	79.922.126.480	75.660.875.803	4.261.250.677	80.818.437.060	76.132.539.013	4.685.898.047
<b>Tổng</b>	<b>197.071.123.794</b>	<b>179.710.764.275</b>	<b>17.360.359.519</b>	<b>197.967.434.374</b>	<b>180.182.427.485</b>	<b>17.785.006.889</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	234.314.555	-	234.314.555	-
Công cụ, dụng cụ	7.960.320	-	7.960.320	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang (*)	41.452.027.002	-	13.214.328.513	-
Hàng hóa bất động sản (**)	4.441.308.586	-	4.441.308.586	-
<b>Tổng</b>	<b>46.135.610.463</b>	<b>-</b>	<b>17.897.911.974</b>	<b>-</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ tăng mạnh so với đầu kỳ chủ yếu là do phát sinh chi phí dở dang dự án “Xây dựng kho, xưởng và hạ tầng kỹ thuật Nhà máy chế tạo thiết bị nâng chuyên” tại khu công nghiệp Quang Minh của Nhà máy cơ khí Quang Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng.

(\*\*): Hàng hóa bất động sản là 01 căn liền kề tại dự án Skylight Minh Khai.



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP**Số 125D Minh Khai, phường Minh Khai,  
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị quản lý</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư tại 01/01/2024</b>	<b>148.418.980.341</b>	<b>8.267.219.620</b>	<b>4.993.014.545</b>	<b>9.246.420.801</b>	<b>170.925.635.307</b>
Tăng trong kỳ	-	-	-	283.500.000	283.500.000
Phân loại lại	-	-	-	283.500.000	283.500.000
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>283.500.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>283.500.000</b>
Phân loại lại	-	283.500.000	-	-	283.500.000
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>148.418.980.341</b>	<b>7.983.719.620</b>	<b>4.993.014.545</b>	<b>9.529.920.801</b>	<b>170.925.635.307</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư tại 01/01/2024</b>	<b>66.309.903.501</b>	<b>7.734.405.565</b>	<b>4.993.014.545</b>	<b>9.179.965.004</b>	<b>88.217.288.615</b>
Tăng trong kỳ	1.241.806.484	18.457.236	-	40.141.693	1.300.405.413
Khấu hao trong kỳ	1.241.806.484	18.457.236	-	36.204.193	1.296.467.913
Phân loại lại	-	-	-	3.937.500	3.937.500
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>3.937.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.937.500</b>
Phân loại lại	-	3.937.500	-	-	3.937.500
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>67.551.709.985</b>	<b>7.748.925.301</b>	<b>4.993.014.545</b>	<b>9.220.106.697</b>	<b>89.513.756.528</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>	<b>82.109.076.840</b>	<b>532.814.055</b>	<b>-</b>	<b>66.455.797</b>	<b>82.708.346.692</b>
<b>Tại ngày 30/6/2024</b>	<b>80.867.270.356</b>	<b>234.794.319</b>	<b>-</b>	<b>309.814.104</b>	<b>81.411.878.779</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 28.184.461.705 VND (tại ngày 01/01/2024 là 29.830.424.763 VND).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2024 là 30.694.924.681 VND (tại ngày 01/01/2024 là 28.724.115.079 VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm tin học VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	158.450.000	158.450.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	158.450.000	158.450.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	158.450.000	158.450.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	158.450.000	158.450.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 30/6/2024	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại thời điểm 30/6/2024 và 01/01/2024 là 158.450.000 đồng.

**5.9 Tài sản dở dang dài hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>2.598.766.083</b>		<b>2.792.661.003</b>	
Dự án nút giao Long Biên-Hà Nội	2.301.606.161		2.301.606.161	
Dự án tại Coma 1	297.159.922		491.054.842	
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>28.793.825.816</b>	<b>28.793.825.816</b>	<b>28.525.524.615</b>	<b>28.525.524.615</b>
Công trình dự án 11E6 Phạm Hùng	191.052.531	191.052.531	191.052.531	191.052.531
Xây dựng kho xưởng và hạ tầng kỹ thuật Nhà máy cơ khí Quang Minh (*)	28.168.463.950	28.168.463.950	26.638.333.475	26.638.333.475
Chi phí sửa chữa tầng văn phòng cho thuê	434.309.335	434.309.335	1.696.138.609	1.696.138.609
<b>Tổng</b>	<b>31.392.591.899</b>	<b>28.793.825.816</b>	<b>31.318.185.618</b>	<b>28.525.524.615</b>

(\*) Theo Quyết định số 31/QĐ-HDQT ngày 18/8/2023 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc phê duyệt dự án “Xây dựng kho, xưởng và hạ tầng kỹ thuật Nhà máy chế tạo thiết bị nâng chuyên” tại khu công nghiệp Quang Minh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.10 Chi phí trả trước**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>70.447.064</b>	<b>40.740.741</b>
Các khoản khác	70.447.064	40.740.741
<b>Dài hạn</b>	<b>961.514.039</b>	<b>1.054.613.905</b>
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	191.173.073	174.378.328
Chi phí sửa chữa	669.825.685	679.720.296
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	100.515.281	200.515.281
<b>Tổng</b>	<b>1.031.961.103</b>	<b>1.095.354.646</b>



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP**Số 125D Minh Khai, phường Minh Khai,  
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		30/6/2024			01/01/2024		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			<b>119.549.258.805</b>		<b>(9.575.725.908)</b>	<b>119.549.258.805</b>		<b>(9.575.725.908)</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	51,38%	51,38%	14.475.873.012	(i)	-	14.475.873.012	(i)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	53,61%	53,61%	3.633.663.558	(i)	-	3.633.663.558	(i)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17) (ii)	51,39%	51,39%	8.492.821.032	(i)	-	8.492.821.032	(i)	-
Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	67,47%	67,47%	82.146.668.546	(i)	-	82.146.668.546	(i)	-
Công ty CP Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	51,54%	51,54%	5.669.250.000	(i)	(5.669.250.000)	5.669.250.000	(i)	(5.669.250.000)
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)	100,00%	100,00%	202.007.497	(i)	(202.007.497)	202.007.497	(i)	(202.007.497)
Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	100,00%	100,00%	4.928.975.160	(i)	(3.704.468.411)	4.928.975.160	(i)	(3.704.468.411)
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>			<b>12.880.647.106</b>		<b>-</b>	<b>12.880.647.106</b>		<b>-</b>
Công ty TNHH Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	31,00%	31,00%	1.836.527.663	(i)	-	1.836.527.663	(i)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9 (ii)	20,00%	20,00%	11.044.119.443	(i)	-	11.044.119.443	(i)	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			<b>20.154.416.179</b>		<b>(586.356.966)</b>	<b>20.902.858.682</b>		<b>(586.356.966)</b>
Công ty Cổ phần COMA Đầu tư kinh doanh Bất động Sản (COMARE) (ii)			562.478.011	(i)	(562.478.011)	562.478.011	(i)	(562.478.011)
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 10 (ii)	5,00%	5,00%	500.000.000	(i)	-	500.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn (ii) (iii)	0,42%	0,42%	1.107.569.300	2.592.870.200	-	1.107.569.300	1.974.387.400	-
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 5 (ii) (iv)			-	(i)	-	748.442.503	(i)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng Đại Mỹ (COMA 6) (ii)	6,00%	6,00%	7.246.146.943	(i)	-	7.246.146.943	(i)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và Phát triển cơ khí (ii)	5,00%	5,00%	500.000.000	(i)	(23.878.955)	500.000.000	(i)	(23.878.955)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 (ii)	4,69%	4,69%	10.238.221.925	(i)	-	10.238.221.925	(i)	-
<b>Tổng</b>			<b>152.584.322.090</b>		<b>(10.162.082.874)</b>	<b>153.332.764.593</b>		<b>(10.162.082.874)</b>



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP**

Số 125D Minh Khai, phường Minh Khai,  
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư khác do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii) Theo Văn bản số 2536/BXD-KHTC ngày 16/6/2023 của Bộ Xây dựng đã chấp thuận đề Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty biểu quyết thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP giai đoạn 2021- 2025, theo đó thoái toàn bộ vốn của Tổng Công ty tại 09 Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính: Công ty cổ phần Cơ khí và xây lắp Sông Chu - COMA17 (51,39%); Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 5 - COMA5 (3,19%); Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng Đại Mỗ - COMA6 (6%); Công ty cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9 - COMA9 (20%); Công ty cổ phần Cơ khí xây dựng số 10 - COMA10 (5%); Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và phát triển cơ khí - COMAENG (5,62%); Công ty cổ phần Xây lắp và thương mại COMA25 (4,69%); Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn (0,42%); Công ty Cổ phần COMA Đầu tư kinh doanh Bất động Sản (COMARE).

(iii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn được xác định theo giá trị niêm yết tại ngày 28/06/2024 là 2.592.870.200 VND (Tại ngày 30/12/2023 là 1.974.387.400 đồng).

(iv) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 11/HĐCNCP ngày 28/6/2024 giữa Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP (COMA) và Bà Nguyễn Thị Nhung theo đó COMA chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần mà COMA đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 5 là 79.781 cổ phần cho bà Nguyễn Thị Nhung; tổng giá trị chuyển nhượng là 2.809.886.820 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.12 Phải trả người bán**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>91.207.103.351</b>	<b>91.207.103.351</b>	<b>94.653.222.710</b>	<b>94.653.222.710</b>
Công ty CKXD số 2 Hà Bắc - COMA 2	6.796.866.488	6.796.866.488	12.468.818.696	12.468.818.696
Công ty CP Cơ khí & Xây lắp Sông Chu - COMA 17	2.152.805.941	2.152.805.941	2.120.491.311	2.120.491.311
Công ty CP CKXD số 26 - COMA26	7.553.948.764	7.553.948.764	7.553.948.764	7.553.948.764
Công ty CKXD và LMDN (COMAEL)	1.123.369.987	1.123.369.987	2.691.369.987	2.691.369.987
Công ty CK & XL Thái Bình (COMA 16)	3.101.665.737	3.101.665.737	3.450.392.216	3.450.392.216
Các đối tượng khác	70.478.446.434	70.478.446.434	66.368.201.736	66.368.201.736
<b>Tổng</b>	<b>91.207.103.351</b>	<b>91.207.103.351</b>	<b>94.653.222.710</b>	<b>94.653.222.710</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>Phải trả các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<b>13.174.708.153</b>	<b>13.174.708.153</b>	<b>20.882.345.731</b>	<b>20.882.345.731</b>

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.493.370.903</b>	<b>6.010.888.590</b>
BQL DA đầu tư xây dựng (HĐ thi công tuyến đường lên tượng Gióng)	1.889.219.349	1.889.219.349
Viện Nghiên cứu cơ khí	625.000.000	625.000.000
Công ty cổ phần Dịch vụ và Quản lý bất động sản Nam Hà Nội	-	677.394.268
Công ty Cổ phần Khai Sơn	1.650.777.150	-
Viện nghiên cứu cơ khí (Narime)	1.389.107.232	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Green Diamond Việt Nam	965.000.000	965.000.001
Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.974.267.172	1.854.274.972
<b>Tổng</b>	<b>8.493.370.903</b>	<b>6.010.888.590</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
<b>Phải nộp</b>	<b>65.919.961.715</b>	<b>2.143.356.401</b>	<b>3.453.001.951</b>	<b>64.610.316.165</b>
Thuế giá trị gia tăng	16.372.115.113	43.828.997	303.215.948	16.112.728.162
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	296.798.032	69.497.999	199.870.818	166.425.213
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	16.741.362.084	1.933.475.211	2.864.102.968	15.810.734.327
Lệ phí môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	32.509.686.486	90.554.194	79.812.217	32.520.428.463
<b>Phải thu</b>	<b>5.882.669</b>	-	-	<b>5.882.669</b>
Thuế thu nhập cá nhân	5.882.669	-	-	5.882.669

**5.15 Chi phí phải trả**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>39.052.432.356</b>	<b>38.583.597.356</b>
Trích trước chi phí dự án tòa nhà Skylight	29.630.596.995	29.630.596.995
Trích trước chi phí các công trình	5.143.713.694	5.143.713.694
Trích trước chi phí khác	4.278.121.667	3.809.286.667
<b>Tổng</b>	<b>39.052.432.356</b>	<b>38.583.597.356</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.16 Phải trả khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>196.044.459.770</b>	<b>194.410.311.432</b>
Kinh phí công đoàn	900.875.602	859.604.546
Bảo hiểm xã hội	6.944.808.141	7.013.457.671
Bảo hiểm y tế	21.308.834	3.524.850
Bảo hiểm thất nghiệp	9.295.588	1.566.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả, phải nộp khác	185.168.171.605	183.532.157.765
<i>Công ty CP Khóa Minh Khai</i>		
<i>(Lợi nhuận dự án Skylight) (*)</i>	<i>97.704.013.510</i>	<i>97.704.013.510</i>
<i>Lợi nhuận phải trả thành phố (Quyền sử dụng</i>		
<i>đất dự án Skyline) (*)</i>	<i>49.466.065.630</i>	<i>49.466.065.630</i>
<i>Phí bảo trì chung cư Skyline</i>	<i>3.565.521.845</i>	<i>2.615.521.845</i>
<i>Huy động vốn mua nhà liền kề</i>	<i>2.677.500.000</i>	<i>2.677.500.000</i>
<i>Phải trả huy động vốn mua cổ phần</i>		
<i>Xi măng Đồng Bành</i>	<i>4.505.000.000</i>	<i>4.505.000.000</i>
<i>Phải trả huy động vốn thủy điện Hương Sơn</i>	<i>560.000.000</i>	<i>560.000.000</i>
<i>Tiền lãi huy động vốn của CBCNV</i>	<i>4.660.995.560</i>	<i>4.431.834.287</i>
<i>Lãi chậm nộp bảo hiểm</i>	<i>5.612.465.824</i>	<i>5.424.699.156</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>16.416.609.236</i>	<i>16.147.523.337</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>12.209.564.408</b>	<b>12.025.316.639</b>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	12.209.564.408	12.025.316.639
<i>Công ty cổ phần Đại Lực Quang Minh</i>	<i>9.375.640.000</i>	<i>9.375.640.000</i>
<i>Các khoản ký quỹ khác</i>	<i>2.833.924.408</i>	<i>2.649.676.639</i>
<b>Tổng</b>	<b>208.254.024.178</b>	<b>206.435.628.071</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>98.328.964.510</b>	<b>98.237.282.510</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

(\*) Là khoản phân chia lợi nhuận dự án “Khu nhà ở cao cấp Skylight” theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐQT ngày 06/5/2015 của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP về việc phê duyệt điều chỉnh phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 của Tổng Công ty và Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, dự án Skylight vẫn chưa có phê duyệt quyết toán chính thức và chưa thống nhất được với thành phố về đơn giá tiền sử dụng đất.



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP**Số 125D Minh Khai, phường Minh Khai,  
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>41.393.790.871</b>	<b>41.393.790.871</b>	<b>13.407.000.000</b>	<b>10.540.620.000</b>	<b>38.527.410.871</b>	<b>38.527.410.871</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Đông (1)	16.501.996.281	16.501.996.281	10.207.000.000	8.984.000.000	15.278.996.281	15.278.996.281
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 26 (2)	10.900.000.000	10.900.000.000	2.000.000.000	-	8.900.000.000	8.900.000.000
Quỹ Khoa học Công nghệ - Bộ Xây dựng (3)	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-	5.200.000.000	5.200.000.000
Các khoản vay cá nhân (4)	8.791.794.590	8.791.794.590	1.200.000.000	1.556.620.000	9.148.414.590	9.148.414.590
<b>Vay dài hạn</b>	<b>20.251.385.817</b>	<b>20.251.385.817</b>	<b>15.751.385.817</b>	<b>-</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>
Công ty Cổ phần ATOP Việt Nam (5)	20.251.385.817	20.251.385.817	15.751.385.817	-	4.500.000.000	4.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>61.645.176.688</b>	<b>61.645.176.688</b>	<b>29.158.385.817</b>	<b>10.540.620.000</b>	<b>43.027.410.871</b>	<b>43.027.410.871</b>

*Trong đó:*

<b>Vay các bên liên quan</b>	<b>7.157.900.000</b>	<b>7.157.900.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>979.100.000</b>	<b>6.937.000.000</b>	<b>6.937.000.000</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>						

(1) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 438/2023/HDHM-PN/SHB.112000 ngày 13/11/2023 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTCP. Hạn mức cấp tín dụng tối đa 40 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh tạm ứng đối với Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP và Nhà máy Cơ khí Quang Minh là 20 tỷ đồng; hạn mức bảo lãnh (dự thầu, thực hiện hợp đồng, quyết toán) đối với Tổng Công ty Cơ khí xây dựng - CTP và Nhà máy cơ khí Quang Minh là 20 tỷ đồng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng và bảo lãnh bảo hành để thực hiện hoạt động kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng (từ ngày 13/11/2023 đến ngày 13/11/2024). Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay được quy định cụ thể tại các khế ước nhận nợ nhưng tối đa 09 tháng. Lãi suất: Quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Biện pháp đảm bảo là tài sản gắn liền với đất "Nhà điều hành sản xuất, giới thiệu sản phẩm và văn phòng làm việc có quy mô BTCT 14 tầng + áp mái" tọa địa chỉ: 125D Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO888906, số vào sổ cấp GCN:777 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 06/11/2013.

(2) Hợp đồng vay vốn số 0505/2020/HDVV/TCT-COMA26 ngày 05/5/2021, số tiền 14.500.000.000 đồng, lãi suất vay 9%/năm, thời hạn vay đến hết 31/10/2021 và được tự động gia hạn nếu Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 26 chưa có nhu cầu rút vốn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(3) Vay quỹ Khoa học Công nghệ Bộ Xây dựng phát sinh từ năm 1995 để triển khai các dự án tại thời điểm phát sinh khoản vay.

(4) Vay ngắn hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất từ 8,5%/năm đến 11,5%/năm, thời hạn vay từ 03 đến 06 tháng và được tự động gia hạn. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(5) Theo biên bản thỏa thuận về việc hợp tác ứng vốn để đầu tư dự án “Xây dựng kho, xưởng và hạ tầng kỹ thuật Nhà máy chế tạo thiết bị nâng chuyên” ngày 31/10/2023 giữa Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP (bên A), CTCP Đại Lực Quang Minh (bên B) và CTCP ATOP Việt Nam (bên C). Các bên thống nhất ký Biên bản thỏa thuận về việc bên B hợp tác với bên C để ứng vốn đầu tư dự án tại lô số 4, KCN Quang Minh, thành phố Hà Nội để nhận quyền khai thác thuê kho, xưởng và hạ tầng kỹ thuật của dự án sau khi hoàn thành. Tổng giá trị ứng vốn là 89.448.000.000 đồng, tỷ lệ ứng vốn bên B là 40%, bên C là 60%. Bên A có trách nhiệm ghi nhận toàn bộ số tiền mà bên B và bên C ứng vốn là khoản tiền vay. Lãi suất cố định vay trong 03 năm đầu là 8%/năm, lãi suất các năm tiếp theo được quy định cụ thể tại các hợp đồng vay vốn. Bên A cam kết nguồn tiền và kỳ hạn trả nợ cho khoản vay trên là nguồn doanh thu và kỳ hạn thanh toán như quy định của Hợp đồng thuê kho xưởng số 1323/HĐTX/2023/COMA28-DAILUC ký ngày 01/3/2023, tỷ lệ % doanh thu dùng trả nợ cụ thể như sau: Hai năm đầu, sử dụng 100% doanh thu tiền thuê kho để trả nợ khoản vay và lãi vay của kỳ thanh toán; Các năm tiếp theo, sử dụng 60% doanh thu để trả nợ khoản vay và lãi vay của kỳ thanh toán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.18 Vốn chủ sở hữu****a. Biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	238.500.000.000	10.946.368.209	(304.172.979.871)	(54.726.611.662)
Lãi trong năm trước	-	-	1.700.698.113	1.700.698.113
Số dư tại 31/12/2023	238.500.000.000	10.946.368.209	(302.472.281.758)	(53.025.913.549)
Số dư tại 01/01/2024	238.500.000.000	10.946.368.209	(302.472.281.758)	(53.025.913.549)
Lãi trong kỳ này	-	-	3.567.660.635	3.567.660.635
Số dư tại 30/6/2024	238.500.000.000	10.946.368.209	(298.904.621.123)	(49.458.252.914)

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Vốn góp của Nhà nước (Bộ Xây dựng)	235.552.000.000	235.552.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	2.948.000.000	2.948.000.000
<b>Tổng</b>	<b>238.500.000.000</b>	<b>238.500.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	238.500.000.000	238.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	238.500.000.000	238.500.000.000

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.850.000	23.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán	23.850.000	23.850.000
Cổ phiếu phổ thông	23.850.000	23.850.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.850.000	23.850.000
Cổ phiếu phổ thông	23.850.000	23.850.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.888.788.001	4.504.946.382
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.403.711.875	8.411.985.855
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	6.741.458.913	60.743.554.684
<b>Tổng</b>	<b>27.033.958.789</b>	<b>73.660.486.921</b>

*Trong đó:**Doanh thu với các bên liên quan**(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)**136.599.555**228.546.817***6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn hàng bán	2.888.788.001	4.495.520.730
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.277.268.213	5.855.696.805
Giá vốn hợp đồng xây dựng	7.749.203.263	54.164.301.874
<b>Tổng</b>	<b>17.915.259.477</b>	<b>64.515.519.409</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.387.662	45.261.136
Lãi bán các khoản đầu tư	1.860.461.161	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	58.512.803
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	52.839	-
<b>Tổng</b>	<b>1.908.901.662</b>	<b>103.773.939</b>

*Trong đó:**Doanh thu tài chính với các bên liên quan**(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)**46.269.863**98.906.639*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	1.653.742.396	2.536.813.101
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.677.189	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	150.777.212
<b>Tổng</b>	<b>1.655.419.585</b>	<b>2.687.590.313</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí tài chính với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>126.173.000</i>	<i>298.222.000</i>

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	-	<b>5.358.000</b>
Chi phí bằng tiền khác	-	5.358.000
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>5.167.309.963</b>	<b>5.904.570.126</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.214.825.668	4.222.448.745
Chi phí vật liệu quản lý	182.970.285	222.046.315
Chi phí đồ dùng văn phòng	251.194.560	196.513.113
Chi phí khấu hao TSCĐ	165.119.181	206.428.802
Thuế phí và lệ phí	23.240.460	19.706.882
Chi phí dự phòng	(471.663.210)	(1.088.118.590)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.598.020	226.209.670
Chi phí bằng tiền khác	1.591.024.999	1.899.335.189
<b>Tổng</b>	<b>5.167.309.963</b>	<b>5.909.928.126</b>

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	59.208.182	-
Thu nhập khác	2.000	1.231.274
<b>Tổng</b>	<b>59.210.182</b>	<b>1.231.274</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí phạt chậm nộp thuế, tiền thuê đất, bảo hiểm	363.430.903	371.726.676
Chi phí khác	332.990.070	338
<b>Tổng</b>	<b>696.420.973</b>	<b>371.727.014</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(637.210.791)</b>	<b>(370.495.740)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.202.092.695	1.093.676.006
Chi phí nhân công	5.621.024.944	4.889.749.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.296.467.913	1.461.636.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.772.289.113	52.084.812.444
Chi phí khác bằng tiền	3.054.004.760	3.485.998.755
Chi phí dự phòng	(471.663.210)	(1.088.118.590)
<b>Tổng</b>	<b>50.474.216.215</b>	<b>61.927.754.799</b>

**7 THÔNG TIN KHÁC****7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Bộ Xây dựng	Cơ quan chủ sở hữu
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Công ty con
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	Công ty con
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	Công ty con
Công ty CP Khóa Minh Khai	Công ty con
Công ty CP Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh
Công ty CP Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2024 VND	kết thúc ngày 30/6/2023 VND (Trình bày lại)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Thù lao	81.600.000	81.600.000
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương	1.289.789.165	1.289.380.939

**Trong đó chi tiết như sau:**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2024 VND	kết thúc ngày 30/6/2023 VND (Trình bày lại)
<b>Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Đào Đức Thọ	Thành viên HĐQT	19.200.000	19.200.000
Ông Vũ Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	19.200.000	19.200.000
Ông Lê Thế Thủy	Thành viên HĐQT	19.200.000	19.200.000
<b>Thù lao thành viên Ban Kiểm soát</b>			
Bà Đinh Thị Hương	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Vũ Thị Thủy	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
<b>Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác</b>			
Ông Trịnh Nam Hải	Chủ tịch HĐQT	144.049.716	152.643.000
Ông Đào Đức Thọ	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT	148.581.818	162.522.273
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	127.831.364	104.244.454
Ông Vũ Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT	131.661.705	142.585.363
Ông Lê Thế Thủy	Phó Tổng Giám đốc	117.227.159	122.437.636
Ông Nguyễn Hường Dương	Phó Tổng Giám đốc	139.248.068	127.555.819
Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS	128.957.017	124.183.183
Bà Đinh Thị Hương	Thành viên BKS	50.256.818	64.890.568
Bà Vũ Thị Thủy	Thành viên BKS	57.044.932	69.996.688
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Kế toán trưởng	142.845.341	124.392.182
Bà Phan Tố Lan	Người phụ trách quản trị và Người công bố thông tin	102.085.227	93.929.772

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>Mua hàng</b>			-	<b>4.495.520.730</b>
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Công ty con	Mua hàng	-	4.495.520.730
<b>Bán hàng</b>			<b>136.599.555</b>	<b>228.546.817</b>
Công ty LD đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	Thuê VP và khác	136.599.555	228.546.817
<b>Cho vay</b>			<b>200.000.000</b>	<b>150.000.000</b>
Công ty CP Khoá Minh Khai	Công ty con	Cho vay	130.000.000	100.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27	Công ty con	Cho vay	70.000.000	50.000.000
<b>Doanh thu tài chính</b>			<b>46.269.863</b>	<b>98.906.639</b>
Công ty CP Khoá Minh Khai	Công ty con	Lãi tiền cho vay	33.871.233	30.069.863
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27	Công ty con	Lãi tiền cho vay	12.398.630	10.323.973
Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	Công ty liên kết	Cổ tức	-	58.512.803
<b>Đi vay</b>			<b>1.200.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
Nguyễn Ngọc Hải		Đi vay	1.200.000.000	2.500.000.000
<b>Trả vay</b>			<b>979.100.000</b>	<b>300.000.000</b>
Nguyễn Ngọc Hải		Trả vay	979.100.000	50.000.000
Nguyễn Thị Tuyết Nhung		Trả vay	-	250.000.000
<b>Lãi vay</b>			<b>126.173.000</b>	<b>298.222.000</b>
Nguyễn Thị Tuyết Nhung		Lãi vay	-	6.586.000
Vũ Xuân Thắng		Lãi vay	91.682.000	82.675.000
Nguyễn Ngọc Hải		Lãi vay	34.491.000	208.961.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2024	01/01/2024
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>2.446.673.093</b>	<b>2.446.673.093</b>
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)		855.137.498	855.137.498
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)		564.299.912	564.299.912
Công ty CP cơ khí xây dựng và lắp máy điện nước (COMAEL)		54.704.750	54.704.750
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27		972.530.933	972.530.933
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>10.000.000</b>	<b>5.258.768.441</b>
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA17)		10.000.000	10.000.000
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)		-	5.248.768.441
<b>Phải thu khác</b>		<b>34.683.064.961</b>	<b>34.295.017.785</b>
Công ty CP Khoá Minh Khai		17.789.518.839	17.625.357.490
Công ty CP cơ khí xây dựng và lắp máy điện nước (COMAEL)		15.221.034.895	15.221.034.895
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA17)		254.257.000	254.257.000
Công ty TNHH liên doanh đồng hồ nước Zenner-Coma		258.040.000	58.040.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27		1.160.214.227	1.077.815.597
Công ty cơ khí và xây lắp số 9 (COMA9)		-	58.512.803
<b>Phải trả người bán</b>		<b>13.174.708.153</b>	<b>20.882.345.731</b>
Công ty CP Cơ khí & Xây lắp Sông Chu - COMA 17		2.152.805.941	2.120.491.311
Công ty CKXD số 2 Hà Bắc - COMA 2		6.796.866.488	12.468.818.696
Công ty CKXD và LMDN (COMAEL)		1.123.369.987	2.691.369.987
Công ty CK & XL Thái Bình (COMA 16)		3.101.665.737	3.601.665.737
<b>Các khoản phải trả phải nộp khác</b>		<b>98.328.964.510</b>	<b>98.237.282.510</b>
Vũ Xuân Thắng		624.951.000	533.269.000
Công ty Cổ phần khoá Minh Khai (Lợi nhuận dự án Skylight)		97.704.013.510	97.704.013.510
Công ty Cổ phần khoá Minh Khai (di chuyển nhà máy khoá Minh Khai)		-	-
<b>Vay ngắn hạn</b>		<b>7.157.900.000</b>	<b>6.937.000.000</b>
Quý KHCN - Bộ Xây dựng		5.200.000.000	5.200.000.000
Vũ Xuân Thắng		1.557.900.000	1.557.900.000
Nguyễn Ngọc Hải		400.000.000	179.100.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**Người lập biểu**



**Kiều Thị Nguyệt Nga**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Ngọc Hải**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024*

**Tổng Giám đốc**



**Đào Đức Thọ**

